

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI LAI  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-7-2022

V/v “tranh chấp ly hôn,  
nuôi dưỡng con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Tuấn Kiệt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đen

2. Ông Phan Thanh Dũng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “*Hôn nhân ly hôn, nuôi dưỡng con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đỗ Duy T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Trú tại: ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Lệ X**, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:*

Anh Đỗ Duy T và chị Nguyễn Thị Lệ X tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Thới Lai năm 2016. Vợ chồng chung sống với nhau có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 25/9/2016. Thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đã tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Sau đó vợ đã bỏ về nhà cha mẹ ruột từ năm 2020 đến nay. Nay anh yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ X.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 25/9/2016, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến trưởng thành, không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu. Chị X vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Đỗ Duy T khởi kiện xin ly hôn với anh chị Nguyễn Thị Lệ X, về nuôi con nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú ấp TT, xã T Th, huyện Thới Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị X tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện Thới Lai nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét anh T trình bày, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều từ năm 2020 do chung sống nhưng cả hai đều không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau. Chị X đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy chị không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh T. Qua đó thể hiện, mâu thuẫn gia đình anh chị thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn với chị X là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 25/9/2016. Cháu N hiện đang sống với anh T, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con đến trưởng thành, anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm

sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở chị X thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Duy T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ X.

2/ Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Bảo N (nữ), sinh ngày 25/9/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị X, không ai được quyền cản trở chị X thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5/ Về án phí sơ thẩm: Anh Đỗ Duy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0005452 ngày 04/5/2022 (anh T đã thực hiện xong).

Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã T Th;
- Lưu hồ sơ vụ án

**Bùi Tuấn Kiệt**



















